

Phụ lục 1

SỐ LƯỢNG VĂN BẢN ĐƯỢC BAN HÀNH LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

(Kèm theo báo cáo số 23/BC-ĐGS ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Đoàn giám sát Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Tháp)

I. VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

TT	TÊN VĂN BẢN	CƠ QUAN BAN HÀNH	NGÀY CÓ HIỆU LỰC	TÌNH TRẠNG HIỆU LỰC				GHI CHÚ
	(Tên văn bản, số văn bản, ngày ban hành)			Chưa có hiệu lực	Đang có hiệu lực	Hết hiệu lực một phần	Hết hiệu lực	
1	Chương trình hành động số 62-CTr/TU ngày 01/3/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh	Kể từ ngày ký ban hành		X			
2	Đề án số 04-ĐA/TU ngày 25/7/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thí điểm sắp xếp một số tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị tỉnh Đồng Tháp đến năm 2021	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Kể từ ngày ký ban hành				X	Đã tổng kết
3	Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 28/3/2018 của UBND Tỉnh Triển khai thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động số 62-CTr/TU ngày 01/3/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	UBND Tỉnh	Kể từ ngày ký ban hành		X			
4	Kế hoạch số 290/KH-UBND ngày 16/8/2022 của UBND Tỉnh Thực hiện giai đoạn 2022 - 2025 của Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động số 62-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	UBND Tỉnh	Kể từ ngày ký ban hành		X			
Tổng số					3		1	

Căn cứ các Văn bản quy định, hướng dẫn của Trung ương. Tỉnh đã cụ thể hóa ban hành các văn bản tổ chức thực hiện tại địa phương theo quy định.

Phụ lục 2

SỐ LƯỢNG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CỦA ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo báo cáo số 23/BC-ĐGS ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Đoàn giám sát Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Tháp)

I. CÁC NĂM 2015, 2017, 2018, 2019

TT	Số lượng DVSNCL	Năm 2015					Năm 2017					Năm 2018					Năm 2019				
		Tổng cộng	Lĩnh vực				Tổng cộng	Lĩnh vực				Tổng cộng	Lĩnh vực				Tổng cộng	Lĩnh vực			
			DVSNCL tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	DVSNCL tự bảo đảm chi TX	DVSNCL tự bảo đảm một phần chi TX	DVSNCL do NSNN bảo đảm chi TX		DVSNCL tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	DVSNCL tự bảo đảm chi TX	DVSNCL tự bảo đảm một phần chi TX	DVSNCL do NSNN bảo đảm chi TX		DVSNCL tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	DVSNCL tự bảo đảm chi TX	DVSNCL tự bảo đảm một phần chi TX	DVSNCL do NSNN bảo đảm chi TX		DVSNCL tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	DVSNCL tự bảo đảm chi TX	DVSNCL tự bảo đảm một phần chi TX	DVSNCL do NSNN bảo đảm chi TX
1	2	3	4	5	6	7	3	4	5	6	7	13	14	15	16	17	13	14	15	16	17
	TỔNG	953	0	42	83	828	923	0	42	84	797	820	5	39	49	727	814	5	50	45	714
I	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	691	0	0	2	689	685	0	0	3	682	668	0	0	2	666	668	0	0	2	666
1	DVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh						0														
2	DVSNCL thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Số)	46	0	0	2	44	46	0	0	3	43	46	0	0	2	44	46	0	0	2	44
2.1	Sở Giáo dục và Đào tạo	46	0	0	2	44	46	0	0	3	43	46	0	0	2	44	46	0	0	2	44
a	Trường THPT	43				43	43				43	43				43	43				43
b	Trung tâm GDTX Sa Đéc	1			1		1			1		1			1		1			1	
c	Trung tâm GDTX Tỉnh	1			1		1			1		1			1		1			1	
d	Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật	1				1	1			1		1				1	1				1
3	DVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ghi rõ)																				
4	DVSNCL thuộc Chi cục thuộc Sở																				
5	DVSNCL thuộc UBND cấp huyện	645	0	0	0	645	639	0	0	0	639	622	0	0	0	622	622	0	0	0	622
5.1	Trường Mầm non	186				186	186				186	185	0	0	0	185	185	0	0	0	185
5.2	Trường Tiểu học	318				318	315				315	309	0	0	0	309	309	0	0	0	309
5.3	Trường Trung học cơ sở	141				141	138				138	128	0	0	0	128	128	0	0	0	128
6	DVSNCL thuộc các tổ chức chính trị, xã hội khác																				
II	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	14			7	7	14			7	7	14		3	4	7	14		3	4	7
1	DVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh	3	0	0	3	0	3	0	0	3	0	3	0	2	1	0	3	0	2	1	0
1.1	Trường CD Cộng đồng Đồng Tháp	1			1		1			1		1		1			1		1		
1.2	Trường CD Y tế Đồng Tháp	1			1		1			1		1		1			1		1		
1.3	Trường CD Nghề Đồng Tháp	1			1		1			1		1			1		1			1	
2	DVSNCL thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Số)	4	0	0	4	0	4	0	0	4	0	4	0	1	3	0	4	0	1	3	0
2.1	Sở Lao động - Thương binh & XH	3			3		3			3		3			3		3			3	
2.3	Sở Giao thông vận tải	1			1		1			1		1		1			1		1		
3	DVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ghi rõ)																				
4	DVSNCL thuộc Chi cục thuộc Sở																				
5	DVSNCL thuộc UBND cấp huyện	7	0	0	0	7	7	0	0	0	7	7	0	0	0	7	7	0	0	0	7
III	Lĩnh vực Y tế	49	0	0	33	16	43	0	0	33	10	26	0	0	25	1	26	0	10	16	0
1	DVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh																				
2	DVSNCL thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Số)	37	0	0	33	4	37	0	0	33	4	26	0	0	25	1	26	0	10	16	0
3	DVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ghi rõ)																				
4	DVSNCL thuộc Chi cục thuộc Sở	12				12	6				6										
5	DVSNCL thuộc UBND cấp huyện																				
6	DVSNCL thuộc các tổ chức chính trị, xã hội khác																				
IV	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	2	0	0	2	0	2	0	0	2	0	1	0	1	0	0	1	0	1	0	0
1	DVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh	0					0														
2	DVSNCL thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Số)	2	0	0	2	0	2	0	0	2	0	1		1			1		1		
	Trung tâm Kỹ thuật thí nghiệm & UDKH&CN (nay là TT Kiểm định & Kiểm nghiệm)	1			1		1			1		1		1			1		1		
	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Sở KH&CN)	1			1		1			1											
3	DVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ghi rõ)	0					0														
4	DVSNCL thuộc Chi cục thuộc Sở	0					0														
5	DVSNCL thuộc UBND cấp huyện																				
6	DVSNCL thuộc các tổ chức chính trị, xã hội khác																				

TT	Số lượng ĐVSNC L	Năm 2015					Năm 2017					Năm 2018					Năm 2019				
		Tổng cộng	Lĩnh vực				Tổng cộng	Lĩnh vực				Tổng cộng	Lĩnh vực				Tổng cộng	Lĩnh vực			
			ĐVSNC L tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐVSNC L tự bảo đảm chi TX	ĐVSNC L tự bảo đảm một phần chi TX	ĐVSNC L do NSNN bảo đảm chi TX		ĐVSNC L tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐVSNC L tự bảo đảm chi TX	ĐVSNC L tự bảo đảm một phần chi TX	ĐVSNC L do NSNN bảo đảm chi TX		ĐVSNC L tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐVSNC L tự bảo đảm chi TX	ĐVSNC L tự bảo đảm một phần chi TX	ĐVSNC L do NSNN bảo đảm chi TX		ĐVSNC L tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐVSNC L tự bảo đảm chi TX	ĐVSNC L tự bảo đảm một phần chi TX	ĐVSNC L do NSNN bảo đảm chi TX
1	2	3	4	5	6	7	3	4	5	6	7	13	14	15	16	17	13	14	15	16	17
V	Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch	35	0	0	7	28	36	0	0	7	29	20	0	0	6	14	20	0	0	6	14
1	ĐVSNC L thuộc UBND cấp tỉnh	1	0	0	0	1	1	0	0	0	1										
1,1	Ban Quản lý Khu di tích Gò Tháp	1				1	1				1										
2	ĐVSNC L thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Sở)	8			7	1	9			7	2	8			6	2	8			6	2
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	8			7	1	9			7	2	8			6	2	8			6	2
																				
3	ĐVSNC L thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ghi rõ)																				
4	ĐVSNC L thuộc Chi cục thuộc Sở																				
5	ĐVSNC L thuộc UBND cấp huyện																				
6	ĐVSNC L thuộc các tổ chức chính trị, xã hội khác																				
7	ĐVSNC L thuộc Phòng Văn hóa & Thông tin cấp huyện	26	0	0	0	26	26	0	0	0	26	12	0	0	0	12	12	0	0	0	12
VI	Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông	1	0	1	0	0	2	0	1	0	1	2	0	1	1	0	2	0	1	1	0
1	ĐVSNC L thuộc UBND cấp tỉnh	1	0	1	0	0	1	0	1	0	0	1		1			1		1		
	Dài PH - TH Đồng Tháp	1		1			1		1			1		1			1		1		
2	ĐVSNC L thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Sở)	0			0		1			0	1	1			1		1			1	
	Trung tâm Chuyển đổi số (thuộc Sở TT & TT)	0					1				1	1			1		1			1	
3	ĐVSNC L thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ghi rõ)																				
4	ĐVSNC L thuộc Chi cục thuộc Sở																				
5	ĐVSNC L thuộc UBND cấp huyện																				
6	ĐVSNC L thuộc các tổ chức chính trị, xã hội khác																				
7	ĐVSNC L thuộc ĐVSNC L thuộc UBND cấp Tỉnh	0		0	0		0		0	0											
VII	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	161		41	32	88	141		41	32	68	89	5	34	11	39	83	5	35	16	27
1	ĐVSNC L thuộc UBND cấp tỉnh	4	0	2	2	0	4	0	2	2	0	6	3	1	0	2	6	3	1	1	1
1,1	Ban QLDA ĐTXDCT NN&PTNT	0					0					1	1				1	1			
1,2	Ban QLDA ĐTXDCT DD & CN	0					0					1	1				1	1			
1,3	Ban QLDA ĐTXDCT GT	0					0					1	1				1	1			
1,4	Trung tâm Xúc tiến TM, DL & ĐT	1			1		1			1		1				1	1			1	
1,5	Vườn QG Tràm Chim	1			1		1			1		1				1	1				1
1,6	Trung tâm Phát triển quỹ nhà đất Tỉnh	1		1			1		1			1		1			1		1		
1,7	Ban QLDA ĐTXDCT Tỉnh	1		1			1		1			0					0				
2	ĐVSNC L thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Sở)	29	0	10	4	15	29	0	10	4	15	34	0	11	11	12	34	0	12	10	12
3	ĐVSNC L thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ghi rõ)	1			1		1			1		1		1			1		1		
	Trung tâm Đầu tư và Khai thác Hạ tầng (Ban Quản lý Khu kinh tế)	1			1		1			1		1		1			1		1		
4	ĐVSNC L thuộc Chi cục thuộc Sở	65			7	58	45			7	38	12				12	12				12
4,1	Các Trạm, Hạt thuộc Chi cục thuộc Sở																				
	...											0					0				
5	ĐVSNC L thuộc UBND cấp huyện	60	0	28	18	14	60	0	28	18	14	34	2	20	0	12	28	2	20	5	1
6	ĐVSNC L thuộc các tổ chức chính trị, xã hội khác											0					0				
7	ĐVSNC L thuộc ĐVSNC L thuộc UBND cấp Tỉnh	2	0	1	0	1	2	0	1	0	1	2	0	1	0	1	2	0	1	0	1
	Trung tâm Bảo tồn và Hợp tác Quốc tế (Vườn Quốc gia Tràm Chim)	1				1	1				1	1				1	1				1
	Khu Du lịch Tràm Chim (Trung tâm Xúc tiến TM, DL & ĐT)	1		1			1		1			1		1			1		1		

TT	Số lượng ĐVSNC	Năm 2020					Năm 2021					Năm 2022					Năm 2023				
		Tổng cộng	Lĩnh vực				Tổng cộng	Lĩnh vực				Tổng cộng	Lĩnh vực				Tổng cộng	Lĩnh vực			
			ĐVSNC tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐVSNC tự bảo đảm chi TX	ĐVSNC tự bảo đảm một phần chi TX	ĐVSNC do NSNN bảo đảm chi TX		ĐVSNC tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐVSNC tự bảo đảm chi TX	ĐVSNC tự bảo đảm một phần chi TX	ĐVSNC do NSNN bảo đảm chi TX		ĐVSNC tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐVSNC tự bảo đảm chi TX	ĐVSNC tự bảo đảm một phần chi TX	ĐVSNC do NSNN bảo đảm chi TX					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	TỔNG	791	5	65	39	682	761	5	54	37	665	740	6	51	50	633	735	10	48	78	599
I	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	628	0	0	2	626	610	0	0	2	608	592	0	0	4	588	586	0	0	33	553
1	ĐVSNC thuộc UBND cấp tỉnh																				
2	ĐVSNC thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Số)	46	0	0	2	44	46	0	0	2	44	46	0	0	2	44	45	0	0	31	14
2,1	Sở Giáo dục và Đào tạo	46	0	0	2	44	46	0	0	2	44	46	0	0	2	44	45	0	0	31	14
a	Trường THPT	43				43	43				43	43				43	42			29	13
b	Trung tâm GDTX Sa Đéc	1			1		1			1		1			1		1			1	
c	Trung tâm GDTX Tỉnh	1			1		1			1		1			1		1			1	
d	Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật	1				1	1				1	1				1	1				1
3	ĐVSNC thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ghi rõ)																				
4	ĐVSNC thuộc Chi cục thuộc Sở																				
5	ĐVSNC thuộc UBND cấp huyện	582	0	0	0	582	565	0	0	0	564	546	0	0	2	544	541	0	0	2	539
5,1	Trường Mầm non	181				181	175				175	173	0	0	1	172	172	0	0	1	171
5,2	Trường Tiểu học	272				272	258				258	240	0	0	0	240	238	0	0	0	238
5,3	Trường Trung học cơ sở	129				129	131				131	133	0	0	1	132	131	0	0	1	130
6	ĐVSNC thuộc các tổ chức chính trị, xã hội khác																				
	Trường Chính trị Tỉnh	1			1		1			1		1			1		1			1	
II	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	13	1	2	3	7	13	1	2	3	7	13	1	2	3	7	13	1	2	3	7
1	ĐVSNC thuộc UBND cấp tỉnh	2	0	2	0	0	2	0	2	0	0	2	0	2	0	0	2	0	2	0	0
1,1	Trường CD Công đồng Đồng Tháp	1		1			1		1			1		1			1		1		
1,2	Trường CD Y tế Đồng Tháp	1		1			1		1			1		1			1		1		
2	ĐVSNC thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Số)	4	1	0	3	0	4	1	0	3	0	4	1	0	3	0	4	1	0	3	0
2,1	Sở Lao động - Thương binh & XH	3			3		3			3		3			3		3			3	
2,3	Sở Giao thông vận tải	1	1				1	1				1	1				1	1			
3	ĐVSNC thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ghi rõ)																				
4	ĐVSNC thuộc Chi cục thuộc Sở																				
5	ĐVSNC thuộc UBND cấp huyện	7	0	0	0	7	7	0	0	0	7	7	0	0	0	7	7	0	0	0	7
III	Lĩnh vực Y tế	26	0	8	18	0	26	0	7	19	0	26	0	8	18	0	26	0	8	18	0
1	ĐVSNC thuộc UBND cấp tỉnh																				
2	ĐVSNC thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Số)	26	0	8	18	0	26	0	7	19	0	26	0	8	18	0	26	0	8	18	0
3	ĐVSNC thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ghi rõ)																				
4	ĐVSNC thuộc Chi cục thuộc Sở																				
5	ĐVSNC thuộc UBND cấp huyện																				
6	ĐVSNC thuộc các tổ chức chính trị, xã hội khác																				
IV	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	1	0	1	0	0	1	0	1	0	0	1	0	1	0	0	1	0	1	0	0
1	ĐVSNC thuộc UBND cấp tỉnh																				
2	ĐVSNC thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Số)	1		1			1		1			1		1			1		1		
	Trung tâm Kiểm định & Kiểm nghiệm (Sở Khoa học và Công nghệ)	1		1			1		1			1		1			1		1		
3	ĐVSNC thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ghi rõ)																				
4	ĐVSNC thuộc Chi cục thuộc Sở																				
5	ĐVSNC thuộc UBND cấp huyện																				
6	ĐVSNC thuộc các tổ chức chính trị, xã hội khác																				
V	Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch	19	0	0	12	7	20	0	0	5	15	19	0	0	12	7	19	0	0	12	7
1	ĐVSNC thuộc UBND cấp tỉnh																				
2	ĐVSNC thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Số)	7			5	2	8			5	3	7			5	2	7			5	2
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	7			5	2	8			5	3	7			5	2	7			5	2
	...																				
3	ĐVSNC thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ghi rõ)																				
4	ĐVSNC thuộc Chi cục thuộc Sở																				

TT	Số lượng ĐVSNC L	Năm 2020					Năm 2021					Năm 2022					Năm 2023				
		Tổng cộng	Lĩnh vực				Tổng cộng	Lĩnh vực				Tổng cộng	Lĩnh vực				Tổng cộng	Lĩnh vực			
			ĐVSNC L tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐVSNC L tự bảo đảm chi TX	ĐVSNC L tự bảo đảm một phần chi TX	ĐVSNC L do NSNN bảo đảm chi TX		ĐVSNC L tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐVSNC L tự bảo đảm chi TX	ĐVSNC L tự bảo đảm một phần chi TX	ĐVSNC L do NSNN bảo đảm chi TX		ĐVSNC L tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐVSNC L tự bảo đảm chi TX	ĐVSNC L tự bảo đảm một phần chi TX	ĐVSNC L do NSNN bảo đảm chi TX		ĐVSNC L tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐVSNC L tự bảo đảm chi TX	ĐVSNC L tự bảo đảm một phần chi TX	ĐVSNC L do NSNN bảo đảm chi TX
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
5	ĐVSNC L thuộc UBND cấp huyện																				
6	ĐVSNC L thuộc các tổ chức chính trị, xã hội khác																				
7	ĐVSNC L thuộc Phòng Văn hóa & Thông tin cấp huyện	12	0	0	7	5	12	0	0	0	12	12	0	0	7	5	12	0	0	7	5
VI	Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông	2	0	1	1	0	2	0	1	1	0	2	0	1	1	0	2	0	1	1	0
1	ĐVSNC L thuộc UBND cấp tỉnh	1		1			1		1			1		1			1		1		
	Đài PH - TH Đồng Tháp	1		1			1		1			1		1			1		1		
2	ĐVSNC L thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Sở)	1			1		1			1		1			1		1			1	
	Trung tâm Chuyển đổi số (thuộc Sở TT & TT)	1			1		1			1		1			1		1			1	
3	ĐVSNC L thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ghi rõ)																				
4	ĐVSNC L thuộc Chi cục thuộc Sở																				
5	ĐVSNC L thuộc UBND cấp huyện																				
6	ĐVSNC L thuộc các tổ chức chính trị, xã hội khác																				
VII	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	102	4	53	3	42	89	4	43	7	35	87	5	39	12	31	88	9	36	11	32
1	ĐVSNC L thuộc UBND cấp tỉnh	5	3	0	2	0	5	3	0	2	0	5	3	0	2	0	5	3	1	1	0
1,1	Ban QLDA XDCT NN & PTNT	1	1				1	1				1	1				1	1			
1,2	Ban QLDA XDCT DD & CN	1	1				1	1				1	1				1	1			
1,3	Ban QLDA XDCT GT	1	1				1	1				1	1				1	1			
1,4	Trung tâm Xúc tiến TM, DL & ĐT	1			1		1			1		1			1		1		1		
1,5	Vườn QG Tràm Chim	1			1		1			1		1			1		1			1	
2	ĐVSNC L thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Sở)	33	0	24	0	9	24	0	15	4	5	24	0	14	4	7	26	2	12	4	8
3	ĐVSNC L thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ghi rõ)	1	1				1	1				1	1				1	1			
	Trung tâm Đầu tư và Khai thác Hạ tầng (Ban Quản lý Khu kinh tế)	1	1				1	1				1	1				1	1			
4	ĐVSNC L thuộc Chi cục thuộc Sở NN & PTNT	12		1		11	12				12	12				12	12				12
4,1	Các Trạm thuộc Chi cục, Sở NN&PTNT						12				12	12				12	12				12
	...						0														
5	ĐVSNC L thuộc UBND cấp huyện	49	0	27	1	21	45	0	27	1	17	42	1	24	6	11	42	3	22	6	11
6	ĐVSNC L thuộc các tổ chức chính trị, xã hội khác																				
7	ĐVSNC L thuộc ĐVSNC L thuộc UBND cấp Tỉnh	2	0	1	0	1	2	0	1	0	1	2	0	1	0	1	2	0	1	0	1
	Trung tâm Bảo tồn và Hợp tác Quốc tế (Vườn Quốc gia Tràm Chim)	1				1	1				1	1				1	1				1
	Khu Du lịch Tràm Chim (Trung tâm Xúc tiến TM, DL & ĐT)	1		1			1		1			1		1			1		1		

III. SO SÁNH THỰC HIỆN NĂM 2023 VỚI CÁC NĂM 2021, 2017 VÀ 2015

So sánh thực hiện năm 2023 với năm 2021		So sánh thực hiện năm 2023 với năm 2017		So sánh thực hiện năm 2023 với năm 2015	
Số lượng ĐVSNC L tăng, giảm	Tỷ lệ tăng, giảm (%)	Số lượng ĐVSNC L tăng, giảm	Tỷ lệ tăng, giảm (%)	Số lượng ĐVSNC L tăng, giảm	Tỷ lệ tăng, giảm (%)
-26	-3,41	-188	-20,36	-218	-22,87

Phụ lục 3**VỀ SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP***(Kèm theo báo cáo số 23/BC-DGS ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Đoàn giám sát Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Tháp)*

TT	Nhiệm vụ	Đã thực hiện (Nội dung cụ thể)	Chưa thực hiện (Nêu rõ lý do)	Kiến nghị, đề xuất
	Đối với các địa phương			
1	Lĩnh vực giáo dục-đào tạo			
	Hình thành trường phổ thông nhiều cấp học (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông).	<p>Đã thực hiện sắp xếp và hình thành nhiều trường phổ thông có nhiều cấp học với 02 loại hình sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường THCS-THPT thuộc Sở GD&ĐT; - Trường TH – THCS thuộc UBND cấp huyện 		
	<p>Đối với lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, sáp nhập trường trung cấp vào trường cao đẳng; 		UBND Tỉnh đã có kế hoạch đang rà soát sắp xếp nhưng còn vướng một số khó khăn nên chưa thực hiện được	
	- Giải thể các trường trung cấp, cao đẳng hoạt động không hiệu quả.		Không có phát sinh	
	- Sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh theo hướng về cơ bản chỉ còn một đầu mối đào tạo nghề công lập.	Đã thực hiện sáp nhập Trường CĐ Nghề vào Trường CĐCD Đồng Tháp	Hiện nay, trên đại bàn tỉnh có 02 Trường cao đẳng là Trường CĐ Y tế và Trường CĐ Cộng đồng nhưng không tương đồng về lĩnh vực hoạt động.	

TT	Nhiệm vụ	Đã thực hiện (Nội dung cụ thể)	Chưa thực hiện (Nêu rõ lý do)	Kiến nghị, đề xuất
	<p>- Sáp nhập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục hướng nghiệp, trung tâm dạy nghề thành một cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn cấp huyện</p>	<p>- Đại phương đã thực hiện 10/12 địa phương cấp huyện, theo đó hợp nhất các Trung tâm GDTX với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp hoặc Trường trung cấp nghề. Tuy nhiên, trong quá trình thực tiến hoạt động thì bộc lộ nhiều hạn chế, khó khăn.</p> <p>- Đến năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 978/QĐ-UBND-HC, ngày 13 tháng 9 năm 2019 về việc ban hành Đề án chuyển nhiệm vụ giáo dục thường xuyên từ các trường Trung cấp nghề - Giáo dục thường xuyên (TCN-GDTX) thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (TT GDNN-GDTX) thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện về các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Hiện tại, trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp có 02 trung tâm GDTX (gồm Trung tâm GDTX tỉnh Đồng Tháp, Trung tâm GDTX thành phố Sa Đéc) và 16 trường THPT có dạy Chương trình GDTX cấp THPT (phân bố ở các huyện Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Thanh Bình, Cao Lãnh, Tháp Mười, Châu Thành, Lai Vung, Lấp Vò và TP Hồng Ngự).</p>		

TT	Nhiệm vụ	Đã thực hiện (Nội dung cụ thể)	Chưa thực hiện (Nêu rõ lý do)	Kiến nghị, đề xuất
2	Lĩnh vực y tế			
	<ul style="list-style-type: none"> - Sáp nhập Trung tâm ĐSKHHGD vào Trung tâm Y tế huyện 	Năm 2018, đã thực hiện sáp nhập Trung tâm ĐSKHHGD vào Trung tâm Y tế huyện (năm 2018).		
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện mô hình mỗi cấp huyện chỉ có một trung tâm y tế đa chức năng (trừ các huyện có bệnh viện đạt hạng II trở lên), bao gồm y tế dự phòng, dân số, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác; 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 2018, đã thực hiện mô hình mỗi cấp huyện chỉ có một trung tâm y tế đa chức năng (trừ các huyện có bệnh viện đạt hạng II trở lên), bao gồm y tế dự phòng, dân số, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác. 		
	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, sắp xếp hợp lý các phòng khám đa khoa khu vực 	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 2018, đã rà soát, sắp xếp hợp lý các phòng khám đa khoa khu vực 		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, sắp xếp lại các trạm y tế xã theo hướng nơi đã có cơ sở y tế trên địa bàn cấp xã thì có thể không thành lập trạm y tế xã 		<ul style="list-style-type: none"> -Hiện nay, có 143 Trạm Y tế/143 xã, phường, thị trấn đang hoạt động. Chưa sắp xếp vì chưa có VB hướng dẫn của Bộ Y tế 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Sắp xếp các đơn vị làm nhiệm vụ y tế dự phòng cấp tỉnh thành trung tâm phòng ngừa và kiểm soát dịch bệnh cùng cấp trên cơ sở sáp nhập các tổ chức, đơn vị có cùng chức năng, nhiệm vụ và hoạt động lồng ghép 	<ul style="list-style-type: none"> Thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Tháp trên cơ sở hợp nhất 04 đơn vị là Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Đồng Tháp, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS tỉnh Đồng Tháp 		

TT	Nhiệm vụ	Đã thực hiện (Nội dung cụ thể)	Chưa thực hiện (Nêu rõ lý do)	Kiến nghị, đề xuất
3	Đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ; Rà soát, sắp xếp lại các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc địa phương quản lý nhằm giảm mạnh đầu mối; sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở khoa học và công nghệ theo hướng về cơ bản chỉ nên tổ chức một đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở	Năm 2018 đã sáp nhập Trung tâm Kỹ thuật thí nghiệm và Ứng dụng khoa học công nghệ và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thành Trung tâm Kiểm định và Kiểm nghiệm (Quyết định số 62/QĐ-UBND-TL ngày 21/6/2018)		
4	Đối với lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao:	Hợp nhất Trung tâm Văn hoá - Điện ảnh và Đoàn Văn công Đồng Tháp trực thuộc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thành Trung tâm Văn hoá Nghệ thuật tỉnh Đồng Tháp trực thuộc Sở		
	- Rà soát, sắp xếp lại các đơn vị nghệ thuật biểu diễn công lập theo hướng mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ giữ lại một đoàn nghệ thuật công lập truyền thống tiêu biểu của địa phương			
	- Hợp nhất trung tâm văn hóa và đoàn nghệ thuật cấp tỉnh thành một đầu mối; kiện toàn, củng cố thư viện công cộng cấp huyện...			
	- Sáp nhập các trung tâm có chức năng, nhiệm vụ tương đồng thuộc sở văn hóa, thể thao và du lịch thành một đầu mối; sáp nhập các trung tâm văn hóa, trung tâm thể thao, nhà văn hóa... trên địa bàn cấp huyện thành một đầu mối	- Cấp tỉnh: Hợp nhất Trường Năng khiếu thể dục, thể thao và Trung tâm Thể dục thể thao trực thuộc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Đồng Tháp thành 01 tổ chức		
		- Cấp huyện: Sáp nhập Trung tâm Văn hoá - Thể thao, Đài Truyền thanh, Nhà Thiếu nhi và Thư viện thành Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thanh		

TT	Nhiệm vụ	Đã thực hiện (Nội dung cụ thể)	Chưa thực hiện (Nêu rõ lý do)	Kiến nghị, đề xuất
5	Đối với lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn			
	- Hợp nhất trạm chăn nuôi và thú y, trạm trồng trọt và bảo vệ thực vật, trạm khuyến nông, khuyến ngư,... cấp huyện thành trung tâm dịch vụ nông nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; sáp nhập các cơ quan tương ứng ở cấp tỉnh...	Hợp nhất trạm chăn nuôi và thú y, trạm trồng trọt và bảo vệ thực vật, trạm khuyến nông, khuyến ngư,... cấp huyện thành trung tâm dịch vụ nông nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo Quyết định số 557/QĐ-UBND-HC ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc ban hành Đề án thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện, thị, thành phố; Quyết định số 55/QĐ-UBND-TL ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện, thị xã, thành phố trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và triển khai thực hiện vào tháng 6 năm 2018 trên địa bàn toàn tỉnh.		Ngành Nông nghiệp đang kiến nghị thành lập lại Trạm Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản; Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trên địa bàn cấp huyện
	- Rà soát, sắp xếp lại, kiện toàn các ban quản lý rừng phòng hộ		Tỉnh Đồng Tháp không có ban quản lý rừng phòng hộ. Trên địa bàn tỉnh hiện có 02 khu rừng phòng hộ, gồm: rừng phòng hộ biên giới Dinh Bà do Đoàn Kinh tế quốc phòng 959 quản lý và rừng phòng hộ môi sinh Bắc Tháp Mười, chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân; nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tháp Mười thực hiện.	

TT	Nhiệm vụ	Đã thực hiện (Nội dung cụ thể)	Chưa thực hiện (Nêu rõ lý do)	Kiến nghị, đề xuất
	Sắp xếp tổ chức khác	Hợp nhất Trung tâm Khuyến nông và Trung tâm nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Sở NN&PTNT thành 01 đơn vị		
6	Đối với lĩnh vực tài nguyên và môi trường	- Cấp tỉnh: Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở TN&MT;		
	Chuyển các trung tâm phát triển quỹ đất về trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	- Cấp huyện: BQL dự án và Phát triển quỹ đất thuộc UBND cấp huyện		
7	Đối với lĩnh vực lao động thương binh – xã hội	Quyết định số 69/QĐ-UBND-TL ngày 06/7/2018 về việc Thành lập Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Đồng Tháp trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Công tác xã hội bảo vệ trẻ em tỉnh Đồng Tháp và trung tâm bảo trợ xã hội Đồng Tháp trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		
	Hợp nhất các trung tâm bảo trợ có chức năng, nhiệm vụ tương đồng thành trung tâm bảo trợ đa chức năng			
8	Đối với lĩnh vực xây dựng	Mỗi huyện chỉ còn 01 BQLDA (được hợp nhất với Trung tâm Phát triển quỹ đất)	Cấp tỉnh có 03 BQLDA thuộc UBND Tỉnh đang tham mưu sắp xếp lại còn 02 Ban	
	Sắp xếp, kiện toàn các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp tỉnh, cấp huyện			
9	Các nội dung sắp xếp, tổ chức lại khác	Tổ chức sáp nhập Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới và Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và đi vào hoạt động từ tháng 6/2017		

Phụ lục 4

SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

DO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM CHI THUƯỜNG XUYỀN VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI THUƯỜNG XUYỀN

(Kèm theo báo cáo số 23/BC-ĐGS ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Đoàn giám sát Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Tháp)

TT	Đơn vị, lĩnh vực	Năm 2015				Năm 2017				Năm 2021				Năm 2023				So sánh năm 2023 với năm 2021				So sánh năm 2023 với năm 2017				So sánh năm 2023 với năm 2015						
		Tổng cộng	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	Tổng cộng	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	Tổng cộng	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	Tổng cộng	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ						
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu của ĐVSN			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu của ĐVSN			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu của ĐVSN			Số biên chế tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm		Số biên chế tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm		Số biên chế tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30			
	Tổng cộng	30.964	30.964	0	0	30.774	30.774	0	0	28.423	28.423	0	0	29.565	27.278	2.287	0	-1.145	-4,03	0		-3.496	-11,36	0		-3.686	-11,90	0				
I	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo	22.855	22.855	0	0	22.799	22.799			22.527	22.527			22.689	22.689	0	0	162				-110				-166						
1	Cơ sở GD Đại học	0				589		589		0				0				0				-589				0						
2	Các Trung tâm Giáo dục thường xuyên	88	88		0	88	88			72	72			78	78	0		6				-10				-10						
	Trung tâm GDTX thành phố Sa Đéc	35	35			27	27			26	26			34	34			8				7				-1						
	Trung tâm GDTX và Kỹ thuật hướng nghiệp Tỉnh (nay là TTGDTX Tỉnh)	53	53			61	61			46	46			44	44			-2				-17				-9						
3	Trường Trung học phổ thông	3.223	3.223			3.056	3.056			3.184	3.184			3.220	3.220			36				164				-3						
4	Trường Trung học cơ sở	6.277	6.277	0	0	6.003	6.003			6.220	6.220			6.114	6.114	0	0	-106				111				-163						
5	Trường Tiểu học	9.187	9.187	0	0	9.395	9.395			8.601	8.601			8.532	8.532	0	0	-69				-863				-655						
6	Trường Mầm non	3.963	3.963	0	0	4.145	4.145			4.407	4.407			4.702	4.702	0	0	295				557				739						
7	Cơ sở giáo dục khác	117	117	0	0	112	112			43	43			43	43	0	0	0				-69				-74						
	Trường Năng khiếu TDTT	76	76			69	69			0				0				0				-69				-76						
	Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật	41	41			43	43			43	43			43	43			0				0				2						
8	Các tổ chức chính trị xã hội khác																															
II	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																															
1	Sơ cấp nghề	0				0				0				0				0				0				0						
2	Cơ sở Trung cấp nghề	215	215	0	0	140	140			106	106			106	82	24	0	-24				-34				-109						
	Trường TC Thanh Bình	37	37			37	37			29	29			29	25	4		-4				-8				-8						
	Trường TC Hồng Ngự	54	54			54	54			38	38			39	28	11		-10				-15				-15						
	Trường TC Tháp Mười	49	49			49	49			39	39			38	29	9		-10				-11				-11						
	Trường TC nghề GTVT (nay là TTGDNNKTGT)	75	75			0				0				0				0				0				-75						
3	Cơ sở Cao đẳng nghề	468	468	0	0	278	278			0	0			0	0	0	0	0				-278				-468						
	Trường Cao đẳng Y tế	150	150			0				0				0				0				0				-150						
	Trường Cao đẳng Công đồng	168	168			165	165			0				0				0				-165				-168						
	Trường Cao đẳng nghề	150	150			113	113			0				0				0				-113				-150						
4	Các Trung tâm hướng nghiệp	0				0				0				0				0				0				0						
5	Các Trung tâm dạy nghề	0				0				0				0				0				0				0						
6	Cơ sở ĐT lý luận chính trị và CSĐT về quản lý hành chính	0				0				0				0				0				0				0						
7	Các cơ sở GD nghề nghiệp khác	144	144	0	0	171	171			82	82			82	82	0	0	0				-89				-62						
III	Sự nghiệp y tế	6.462	6.462	0	0	6.462	6.462			4.376	4.376			4.377	2.216	2.161		-2.160				-2.085				-2.085						
I	Tuyến tỉnh	3.042	3.042	0	0	2.933	2.933			716	716			717	202	515		-514				-2.216				-2.325						
1.1	Bệnh viện	2.753	2.753	0	0	2.649	2.649			415	415			415	38	377		-377				-2.234				-2.338						
	BVĐK Đồng Tháp	912	912			890	890			0				0				0				-890				-912						
	BVĐK Sa Đéc	588	588			555	555			0				0				0				-555				-588						
	BVĐKKV Hồng Ngự	300	300			278	278			0				0				0				-278				-300						
	BVĐKKV Tháp Mười	313	313			275	275			285	285			285	14	271						10				-28						
	Bệnh viện Quân dân y	130	130			140	140			0				0				0				-140				-130						
	BV Y học Cổ truyền	210	210			205	205			0				0				0				-205				-210						
	BV Phục hồi chức năng	90	90			93	93			0				0				0				-93				-90						
	Bệnh viện Phổi	130	130			128	128			0				0				0				-128				-130						
	Bệnh viện Tâm thần	80	80			85	85			130	130			130	24	106		-106				45				50						
1.2	Các Trung tâm ĐVSN khác trư	289	289	0	0	284	284			301	301			302	164	138	0	-137				18				13						
	TTYT Dự phòng tỉnh (nay là C	90	90			90	90			168				168				-96				78				78						
	TT Chăm sóc SKSS	41	41			41	41					0					0				0				-41				-41			
	TT Truyền thông GDSK	18	18			18	18					0					0				0				-18				-18			
	TT Phòng chống HIV/AIDS	36	36			36	36								0	72	96		0				-36				-36					
	TT Kiểm nghiệm	40	40			35	35			35	35			35	30	5		-5				0				-5						
	TT Da Liễu (nay Bệnh viện Da	32	32			32	32			52	52			52	24	28		-28				20				20						
	TT Pháp y	16	16			16	16			23	23			24	19	5		-4				8				8						
	TT Giám định y khoa	16	16			16	16			23	23			23	19	4		-4				7				7						

TT	Đơn vị, lĩnh vực	Năm 2015			Năm 2017			Năm 2021			Năm 2023			So sánh năm 2023 với năm 2021				So sánh năm 2023 với năm 2017				So sánh năm 2023 với năm 2015							
		Tổng cộng	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	Tổng cộng	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	Tổng cộng	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	Tổng cộng	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ		Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ					
			Hướng lương từ NSNN	Hướng lương từ nguồn thu của ĐVSN			Hướng lương từ NSNN	Hướng lương từ nguồn thu của ĐVSN			Hướng lương từ NSNN	Hướng lương từ nguồn thu của ĐVSN			Hướng lương từ NSNN	Hướng lương từ nguồn thu của ĐVSN		Số biên chế tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm	Số biên chế tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm	Số biên chế tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm	Số biên chế tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
2	Tuyển huyện	3.420	3.420	0	0	3.483	3.483			3.660	3.660			3.660	2.014	1.646	0	-1.646				177				240			
2.1	Bệnh viện	1.154	1.154	0	0	1.219	1.219			0	0			0	0	0	0	0				-1.219				-1.154			
	Bệnh viện Đa khoa huyện Lai V	160	160			158	158			0				0				0				-158				-160			
	Bệnh viện Đa khoa huyện Châu	115	115			145	145			0				0				0				-145				-115			
	Bệnh viện Đa khoa huyện Lấp	182	182			182	182			0				0				0				-182				-182			
	Bệnh viện Đa khoa huyện Tân	145	145			133	133			0				0				0				-133				-145			
	Bệnh viện Đa khoa huyện Hồng	85	85			115	115			0				0				0				-115				-85			
	Bệnh viện Đa khoa huyện Thar	175	175			178	178			0				0				0				-178				-175			
	Bệnh viện Đa khoa huyện Tam	130	130			130	130			0				0				0				-130				-130			
	Bệnh viện Đa khoa huyện Cao	162	162			178	178			0				0				0				-178				-162			
2.2	Y tế xã, phường, thị trấn	1.400	1.400			1.400	1.400			1.400	1.400			1.400	1.400			0				0				0			
2.3	Các Trung tâm Dân số KHHG	120	120			50	50			0				0				0				-50				-120			
2.4	Các Trung tâm ĐVSN khác trực thuộc (Trung tâm Y tế)	746	746			814	814			2.260	2.260			2.260	614	1.646		-1.646				1.446				1.514			
3	Dự phòng	0				46	46			0				0				0				-46				0			
IV	Sự nghiệp Khoa học và công n	44	44	0	0	42	42			0	0			0	0	0	0	0				-42				-44			
	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	14	14			13	13			0				0				0				-13				-14			
	Trung tâm Kỹ thuật thí nghiệp & UDKH&CN (nay là TT Kiểm định & Kiểm nghiệm)	30	30			29	29			0				0				0				-29				-30			
V	Sự nghiệp Thông tin và Truyề	0	0		0	22	22			22	22			29	16	13	0	-6				7				29			
	Đài Phát thanh & Truyền hình	0				0				0				0				0				0				0			
	Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông	0				22	22			22	22			29	16	13		-6				7				29			
VI	Sự nghiệp Văn hóa, thể thao du lịch	530	530	0	0	490	490			531	531			531	501	30	0	-30				41				1			
I	Cấp Tỉnh	273	273	0	0	236	236			297	297			297	267	30	0	-30				61				24			
	Bảo tàng Tỉnh	28	28			23	23			20	20			20	20			0				-3				-8			
	Thư viện Tỉnh	30	30			28	28			24	24			24	24			0				-4				-6			
	Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh (nay là Trung tâm Văn hóa nghệ thuật)	44	44			42	42			79	79			79	69	10		-10				37				35			
	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao	0				0				100	100			100	85	15		-15				100				100			
	Ban Quản lý di tích Xẻo quít	27	27			16	16			16	16			16	16			0				0				-11			
	BQL Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc	45	45			32	32			31	31			31	26	5		-5				-1				-14			
	BQL Khu di tích Gò Tháp thuộc UBND Tỉnh nay thuộc Sở VH, TT & DL	30	30			17	17			27	27			27	27			0				10				-3			
	Trung tâm TDTT	21	21			31	31			0				0				0				-31				-21			
	Đoàn Văn công	48	48			47	47			0				0				0				-47				-48			
2	Cấp huyện	257	257	0	0	254	254			234	234			234	234	0	0	0				-20				-23			
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao	168	168			164	164			234	234			234	234			0				70				66			
	Đài Truyền thanh	83	83			83	83			0				0				0				-83				-83			
	Các ĐVSN khác thuộc lĩnh vực VH TT D thuộc cấp huyện (Thư viện)	6	6			7	7			0				0				0				-7				-6			
VII	Các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	1.073	1.073	0	0	950	950			775	775			775	692	83	0	-83				-175				-298			
1	Lĩnh vực nông nghiệp	483	483		0	440	440			212	212			212	179	33	0	-33				-228				-271			
	Trung tâm Khuyến nông	40	40			38	38			0				0				0				-38				-40			
	Trạm Khuyến nông (thuộc Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư)	72				0				0				0															
	BQL dự án ngành nông nghiệp (nay là BQL D A D T X D C T N N & P T N T)	0				0				107				107								0				107			
	Trạm Thủy sản	305				339				0				0				0				-339				-305			
	Trạm Kiểm dịch thực vật	0				0				0				0				0				0				0			
	Trạm Bảo vệ thực vật	0				0				0				0				0				0				0			
	Trạm Kiểm dịch động vật	0				0				0				0				0				0				0			
	Trạm Thú y	0	305			0	339			0				0	107			0				0				0			
	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn (nay là Trung tâm DVNN&NSNT)	23	23			23	23			60	60			60	60			0				37				37			

TT	Đơn vị, lĩnh vực	Năm 2015				Năm 2017				Năm 2021				Năm 2023				So sánh năm 2023 với năm 2021				So sánh năm 2023 với năm 2017				So sánh năm 2023 với năm 2015			
		Tổng cộng	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	Tổng cộng	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	Tổng cộng	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	Tổng cộng	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	So sánh năm 2023 với năm 2021		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	Biên chế		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	So sánh năm 2023 với năm 2017		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	So sánh năm 2023 với năm 2015		Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu của ĐVSN			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu của ĐVSN			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu của ĐVSN			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu của ĐVSN		Số biên chế tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm		Số biên chế tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm		Số biên chế tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm		Số biên chế tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Các đơn vị sự nghiệp khác thuộc Sở NN&PTNT (TTUDNNCNC)	43	43			40	40			45	45			45	12	33		-33				5				2			
2	Lĩnh vực tài nguyên và Môi trường	15	15		0	92	92			0	0			0	0		0	0				-92				-15			
	Văn phòng Đăng ký đất đai	0				77	77			0				0				0				-77				0			
	Trung tâm CNTT Tài nguyên & Môi trường	15	15			15	15			0				0				0				-15				-15			
3	Lĩnh vực xây dựng	35	35		0	33	33			0	0			0	0	0	0	0				-33				-35			
	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng (nay là TTGDCLXD, Chi cục GDXXD)	35	35			33	33			0				0				0				-33				-35			
	Trung tâm Quy hoạch Đô thị và Khu vực	0				0				0				0				0				0				0			
4	Lĩnh vực Công Thương	0				25	25			0				0				0				-25				0			
	Trung tâm Khuyến công và TV	25	25			25	25			22	22			22	14	8		-8				-3				-3			
5	Lĩnh vực tư pháp	52	52		0	28	28			20	20			20	20		0	0				-8				-32			
	Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá	7	7			5	5			0				0				0				-5				-7			
	Trung tâm Trợ giúp pháp lý	18	18			23	23			20	20			20	20			0				-3				2			
	Phòng Công chứng số 1, 2, 3	27	27			0				0				0				0				0				-27			
6	Lĩnh vực giao thông vận tải	24	24		0	14	14			15	15			15	11	4	0	-4				1				-9			
	Cảng vụ đường thủy nội địa	24	24			14	14			15	15			15	11	4		-4				1				-9			
7	Lĩnh vực Lao động - TB & Xã hội	69	69		0	68	68			68	68			68	68	0	0	0				0				-1			
	Trung tâm Công tác xã hội (nay là Trung tâm BTXHTH)	6	6			6	6			27	27			27	27			0				21				21			
	Trung tâm trợ giúp xã hội (nuôi dưỡng, giáo dục lao động....)	22	22			22	22			0				0				0				-22				-22			
	Ban Quản lý nghĩa trang liệt sĩ	13	13			13	13			13	13			13	13			0				0				0			
	Quỹ Bảo trợ trẻ em (nay là QĐ)	2	2			2	2			3	3			3	3			0				1				1			
	Trung tâm Giáo dục lao động xã hội (nay là Cơ sở điều trị nghiện)	26	26			25	25			25	25			25	25			0				0				-1			
8	Lĩnh vực khác	370	370		0	250	250			438	438			438	400	38	0	-38				188				68			
8.1	Cấp Tỉnh	158	158		0	158	158			141	141			141	103	38	0	-38				-17				-17			
	Vườn Quốc gia Tràm Chim	24	24			27	27			24	24			28	20	8		-4				1				4			
	Trung tâm Du lịch và GDMT	6	6			0				0				0				0				0				-6			
	Trung tâm Bảo tồn và PTSV (nay là Trung tâm Bảo tồn và HTQT)	8	8			8	8			14	14			10	10			-4				2				2			
	Trung tâm Lưu trữ lịch sử, thuộc Chi cục VTLT, thuộc Sở Nội vụ (nay thuộc SNV)	10	10			10	10			15	15			15	10	5		-5				5				5			
	Công Thông tin điện tử	12	12			12	12			15	15			15	15			0				3				3			
	Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp và Khởi nghiệp	0				12	12			15	15			15	15			0				3				15			
	Trung tâm Dịch vụ Tài chính	15	15			15	15			0				0				0				-15				-15			
	Trung tâm Đầu tư và Khai thác	15	15			15	15			0				0				0				-15				-15			
	Trung tâm Xúc tiến TM, DL & Du lịch	35	35			32	32			51	51			51	26	25		-25				19				16			
	Trung tâm Phát triển du lịch	0				17	17			0				0				0				-17				0			
	Văn phòng BATGT	10	10			10	10			7	7			7	7			0				-3				-3			
	Trung tâm Tin học	23	23			0				0				0				0				0				-23			
8.2	Cấp huyện	212	212		0	92	92			297	297			297	297	0	0	0				205				85			
VIII	Dự phòng	0				9	9			192	192			1.164	1.164			972				1.155				1.164			

- Cở (3) = (4) + (5) + (6);

- Cở (7) = (8) + (9) + (10);

- Cở (11) = (12) + (13) + (14);

- Cở (15) = (16) + (17) + (18).

(Kèm theo báo cáo số 23/BC-ĐGS ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Đoàn giám sát Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Tháp)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Đơn vị, lĩnh vực	Năm 2015			Năm 2017			Năm 2021			Năm 2023		
		Số viên chức	Số công chức (nếu có)	Số lao động hợp đồng	Số viên chức	Số công chức (nếu có)	Số lao động hợp đồng	Số viên chức	Số công chức (nếu có)	Số lao động hợp đồng	Số viên chức	Số công chức (nếu có)	Số lao động hợp đồng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
6	ĐVSNCNCL thuộc các tổ chức chính trị, xã hội khác												
	...												
VI	Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông	142	0	6	140	0	6	124	0	12	125	0	10
1	ĐVSNCNCL thuộc UBND cấp tỉnh	142	0	6	140	0	6	124	0	12	125	0	10
	<i>Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Tháp</i>	<i>142</i>	<i>0</i>	<i>6</i>	<i>140</i>	<i>0</i>	<i>6</i>	<i>124</i>	<i>0</i>	<i>12</i>	<i>125</i>	<i>0</i>	<i>10</i>
2	ĐVSNCNCL thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Sở)												
3	ĐVSNCNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ghi rõ)												
	...												
4	ĐVSNCNCL thuộc Chi cục thuộc Sở												
	...												
5	ĐVSNCNCL thuộc UBND cấp huyện												
	...												
6	ĐVSNCNCL thuộc các tổ chức chính trị, xã hội khác												
	...												
VII	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	788	14	548	1.109	25	633	1.392	0	514	1.426	0	476
1	ĐVSNCNCL thuộc UBND cấp tỉnh	116	1	4	128	0	5	119	0	5	118	0	4
1.1	<i>Ban QLDA ĐTXDCT NN và PTNT</i>	<i>30</i>	<i>0</i>	<i>1</i>	<i>28</i>	<i>0</i>	<i>2</i>	<i>24</i>	<i>0</i>	<i>2</i>	<i>24</i>	<i>0</i>	<i>1</i>
1.2	<i>Ban QLDA ĐTXDCT DD & CN</i>	<i>58</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>59</i>		<i>2</i>	<i>58</i>		<i>2</i>	<i>59</i>		<i>1</i>
1.3	<i>Ban QLDA ĐTXDCT GT</i>	<i>28</i>	<i>0</i>	<i>1</i>	<i>41</i>	<i>0</i>	<i>1</i>	<i>37</i>	<i>0</i>	<i>1</i>	<i>35</i>	<i>0</i>	<i>2</i>
1.4	<i>Trung tâm Xúc tiến TM, DL & ĐT (Đv nhóm 3)</i>												
1.5	<i>Vườn OG Tràm Chim (Đv nhóm 3)</i>												
2	ĐVSNCNCL thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Sở)	326	4	213	560	10	254	740	0	195	689	0	200
2.1	Sở Tài nguyên và Môi trường	118	2	14	368	2	68	514	0	32	512	0	25
	<i>Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường</i>	<i>15</i>	<i>1</i>	<i>3</i>	<i>19</i>	<i>1</i>	<i>3</i>	<i>23</i>	<i>0</i>	<i>4</i>	<i>25</i>	<i>0</i>	<i>5</i>
	<i>Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường</i>	<i>59</i>	<i>0</i>	<i>3</i>	<i>63</i>	<i>0</i>	<i>8</i>	<i>66</i>	<i>0</i>	<i>6</i>	<i>67</i>	<i>0</i>	<i>3</i>
	<i>Trung tâm Phát triển quỹ đất</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>28</i>	<i>0</i>	<i>2</i>	<i>28</i>	<i>0</i>	<i>3</i>
	<i>Văn phòng Đăng ký đất đai</i>	<i>44</i>	<i>1</i>	<i>8</i>	<i>286</i>	<i>1</i>	<i>57</i>	<i>397</i>	<i>0</i>	<i>20</i>	<i>392</i>	<i>0</i>	<i>14</i>
2.2	Ban quản lý Khu kinh tế	10	1	1	5	1	6	11	0	4	13	0	6
	<i>Trung tâm Đầu tư và Khai thác hạ tầng</i>	<i>10</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	<i>5</i>	<i>1</i>	<i>6</i>	<i>11</i>	<i>0</i>	<i>4</i>	<i>13</i>	<i>0</i>	<i>6</i>
2.3	Sở Giao thông vận tải	93	0	187	91	0	167	115	0	149	59	0	159

TT	Đơn vị, lĩnh vực	Năm 2015			Năm 2017			Năm 2021			Năm 2023		
		Số viên chức	Số công chức (nếu có)	Số lao động hợp đồng	Số viên chức	Số công chức (nếu có)	Số lao động hợp đồng	Số viên chức	Số công chức (nếu có)	Số lao động hợp đồng	Số viên chức	Số công chức (nếu có)	Số lao động hợp đồng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện cơ giới thủy, bộ	33		0	31		2	28		2	28		3
	Phà Đồng Tháp	15	0	126	18	0	114	8	0	98	8	0	104
	Trung tâm Kiểm định & Bảo dưỡng CTGT	45		61	42		51	79	0	49	23		52
2.4	Sở Tư pháp	27	0	6	27	6	7	25	0	7	26	0	7
	Phòng Công chứng số 1	7	0	4	7	0	4	7	0	4	7	0	3
	Phòng Công chứng số 2	7	0	2	7	0	2	7	0	2	8	0	2
	Phòng Công chứng số 3	6	0	0	6	0	0	5	0	1	6	0	1
	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản	7	0	0	7	6	1	6	0	0	5	0	1
2.5	Sở Tài chính	13	1	4	11	1	5	13	0	3	14	0	2
	Trung tâm Dịch vụ tài chính	13	1	4	11	1	5	13	0	3	14	0	2
2.6	Sở Xây dựng	65	0	1	58	0	1	62	0	0	65	0	1
	Trung tâm Quy hoạch Đô thị và Nông thôn	31	0	0	28	0	0	38	0	04	40	0	03
	Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng	34	0	1	30	0	1	24	0	0	25	0	1
3	ĐVSNCCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ghi rõ)												
	...												
4	ĐVSNCCL thuộc Chi cục thuộc Sở												
	...												
5	ĐVSNCCL thuộc UBND cấp huyện	346	9	331	421	15	374	525	0	305	608	0	264
5.1	H. Châu Thành	2	0	6	32	0	6	31	0	10	35	0	10
	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất	0	0	0	30	0	0	24	0	3	23	0	5
	Ban Quản lý công trình công cộng	2	0	6	2	0	6	7	0	7	12	0	5
5.2	H. Cao Lãnh	28	1	32	36	0	32	33	0	34	41	0	34
	Ban Quản lý Rừng tràm Gáo Giồng	7	1	15	7	0	15	6	0	15	3	0	17
	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất	16	0	7	25	0	8	23	0	10	33	0	1
	Ban Quản lý Chợ đầu mối trái cây tỉnh Đồng Tháp	5	0	10	4	0	9	4	0	9	5	0	16
5.3	H. Tam Nông	31	0	14	37	0	21	49	0	29	65	0	20
	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất	17	0	7	22	0	13	25	0	16	37	0	4
	Ban Quản lý Công trình công cộng	14	0	7	15	0	8	24	0	13	28	0	16
5.4	H. Tháp Mười	36	0	4	43	0	4	45	0	7	41	0	7
	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất	36	0	4	43	0	4	45	0	7	41	0	7
5.5	TP Cao Lãnh	66	4	68	89	4	73	92	0	106	104	0	94
	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất	29	1	1	50	1	1	54	0	5	60	0	3
	Ban Quản lý Công trình công cộng	25	1	30	28	1	34	21	0	75	29	0	70

TT	Đơn vị, lĩnh vực	Năm 2015			Năm 2017			Năm 2021			Năm 2023		
		Số viên chức	Số công chức (nếu có)	Số lao động hợp đồng	Số viên chức	Số công chức (nếu có)	Số lao động hợp đồng	Số viên chức	Số công chức (nếu có)	Số lao động hợp đồng	Số viên chức	Số công chức (nếu có)	Số lao động hợp đồng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Ban Quản lý Chợ	10	1	33	9	1	30	15	0	17	13	0	11
	Đội Quản lý Trật tự đô thị	2	1	4	2	1	8	2	0	9	2	0	10
5.6	TP Hồng Ngự	89	0	0	91	0	10	56	0	3	59	0	6
	Ban Quản lý Công trình công cộng	21			21	Hợp nhất thành Ban Quản lý chợ và Dịch vụ công cộng							
	Ban Quản lý chợ	21			21	Hợp nhất thành Ban Quản lý chợ và Dịch vụ công cộng							
	Ban Quản lý chợ và Dịch vụ công cộng							25		3	21		5
	Trung tâm Phát triển quỹ đất	12			12	Hợp nhất thành Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất							
	Ban Quản lý dự án và Đầu tư xây dựng công trình	35			35	Hợp nhất thành Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất							
	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất							31			38		
	Đội Quản lý trật tự đô thị				2		10						1
5.7	H. Hồng Ngự	31	0	0	33	0	1	32	0	4	37	0	5
	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất	31			33		1	32		4	37		5
5.8	H. Lấp Vò	4	1	32	3	0	35	32	0	3	24	0	8
	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất	4	1	32	3	0	35	32	0	3	24	0	8
5.9	H. Tân Hồng	31	0	0	37	0	0	45	0	0	49	0	0
	Ban Quản lý bến thủy bộ	4			4								
	Ban Quản lý công trình công cộng							15			15		
	Ban Quản lý dự án	27											
	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất				33			30			34		
5.10	H. Thanh Bình	22	0	36	0	7	29	40	0	3	46	0	1
	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất	22	0	36	0	7	29	40	0	3	46	0	1
5.11	TP Sa Đéc	6	3	139	18	3	137	40	0	106	75	0	79
	Ban Quản lý dự án Xây dựng	2	1	22									
	Trung tâm phát triển quỹ đất	1		10									
	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất				4	1	32	23		17	34		8
	Ban Quản lý chợ	2	1	40	2	1	38	4		37	16		25
	Ban Quản lý công trình đô thị	1	1	67	12	1	67	13		52	25		46
5.12	H. Lai Vung				2	1	26	30	0	0	32	0	0
	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất				02	01	26	30	0	0	32	0	0
6	ĐVSNCL thuộc các tổ chức chính trị, xã hội khác												
7	ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp Tỉnh	0	0	0	0	0	0	8	0	9	11	0	8
7.1	Trung tâm Xúc tiến TM, DL & ĐT	0	0	0	0	0	0	8	0	9	11	0	8
	Khu Du lịch Tràm Chim							8	0	9	11	0	8

PHỤ LỤC 6

SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

(Kèm theo báo cáo số 23/BC-ĐGS ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Đoàn giám sát Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Tháp)

TT	Đơn vị, lĩnh vực	Số lượng lãnh đạo cấp phó/ một đơn vị				So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2021		So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2017		So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2015	
						Số lượng lãnh đạo cấp phó tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Số lượng lãnh đạo cấp phó tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Số lượng lãnh đạo cấp phó tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm
		Năm 2015	Năm 2017	Năm 2021	Năm 2023						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng	1307	1337	1270	1200	- 70	- 6	-137	-10,25	-107	-8,19
I	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	1047	1061	1028	962	- 66	-6,42	-99	-9,33	-85	-8,12
1	ĐVSNCNCL thuộc UBND cấp tỉnh										
2	ĐVSNCNCL thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Sở)	96	97	105	108	3	2,86	11	11,34	12	12,5
2,1	Sở Giáo dục và Đào tạo	96	97	105	108	3	2,86	11	11,34	12	12,50
a	Trường THPT	91	92	100	102	2	2	10	10,86	11	12,08
b	Trung tâm GDTX Sa Đéc	1	1	1	2	1	100	1	100	1	100
c	Trung tâm GDTX Tỉnh	2	2	3	2	-1	-33,33	0	0	0	0
d	Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật	2	2	1	2	1	100	0	0	0	0
3	ĐVSNCNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ghi rõ)	1	1	0	0	0	0	-1	-100	-1	-100
4	ĐVSNCNCL thuộc Chi cục thuộc Sở										
5	ĐVSNCNCL thuộc UBND cấp huyện	950	963	923	854	-69	-7,48	-109	-11,32	-96	-10,11
5,1	Trường Mầm non	293	305	295	287	-8	-2,71	-18	-5,90	-6	-2,05
5,2	Trường Tiểu học	346	348	326	288	-38	-11,66	-60	-17,24	-58	-16,76
5,3	Trường Trung học cơ sở	311	310	302	279	23	7,62	-31	-10,00	-32	-10,29
6	ĐVSNCNCL thuộc các tổ chức chính trị, xã hội khác										
II	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	32	31	26	23	-3	-11,54	-8	-25,81	-9	-28,13
1	ĐVSNCNCL thuộc UBND cấp tỉnh	5	5	4	4	0	0	-1	-20,00	-1	-20,00
1.1	Trường CĐ Cộng đồng Đồng Tháp	3	3	2	1	-1	-50	-2	-33,33	-2	-33,33
1.2	Trường CĐ Y tế Đồng Tháp	2	2	2	3	1	50	1	50	1	50
2	ĐVSNCNCL thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Sở)	11	11	11	10	-1	-9,09	-1	-9,09	-1	-9,09

[illegible]

TT	Đơn vị, lĩnh vực	Số lượng lãnh đạo cấp phó/ một đơn vị				So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2021		So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2017		So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2015	
						Số lượng lãnh đạo cấp phó tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Số lượng lãnh đạo cấp phó tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Số lượng lãnh đạo cấp phó tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm
		Năm 2015	Năm 2017	Năm 2021	Năm 2023						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
IV	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	3	3	2	0	-2	-100	-3	-100	-3	-100
1	ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh										
2	ĐVSNCL thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Sở)	3	3	2	0	-2	-100,00	-3	-100,00	-3	-100,00
2.1	Sở Khoa học và Công nghệ	3	3	2	0	0	-200	-3	-300	-3	-300
	Trung tâm Kỹ thuật thí nghiệm và Ứng dụng khoa học và công nghệ	2	2	0	0	0	0	-2	-200	-2	-200
	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	1	1	0	0	0	0	-1	-100	-1	-100
	Trung tâm Kiểm định và Kiểm nghiệm (thành lập do sáp nhập Trung tâm Kỹ thuật thí nghiệm và Ứng dụng khoa học công nghệ và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng vào năm 2018)	0	0	2	0	-2	-200	0	0	0	0
3	ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ghi rõ)										
4	ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc Sở										
5	ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện										
6	ĐVSNCL thuộc các tổ chức chính trị, xã hội khác										
V	Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch	43	43	37	31	-6	-16,22	-3	-23,08	-3	-23,08
1	ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh										
2	ĐVSNCL thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Sở)	13	13	10	10	0	0	-3	-23,08	-3	-23,08
2.1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	13	13	10	10	0	0	-3	-23,08	-3	-23,08
	Bảo tàng Tỉnh	2	1	1	2	1	100	1	100	0	0
	Ban Quản lý Khu Di tích Gò Tháp	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0
	Khu Di tích Nguyễn Sinh Sắc	2	2	2	2	0	0	0	0	0	0
	Đoàn Văn công Đồng Tháp	1	1	0	0	0	0	-1	-100	-1	-100
	Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh	2	2	0	0	0	0	-2	-200	-2	-200
	Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật Tỉnh	0	0	1	1	0	0	1	100	1	100
	Trường năng khiếu Thể dục thể thao	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0

TT	Đơn vị, lĩnh vực	Số lượng lãnh đạo cấp phó/ một đơn vị				So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2021		So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2017		So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2015	
						Số lượng lãnh đạo cấp phó tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Số lượng lãnh đạo cấp phó tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Số lượng lãnh đạo cấp phó tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm
		Năm 2015	Năm 2017	Năm 2021	Năm 2023						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Trung tâm Thể dục Thể thao	2	2	0	0	0	0	-2	-200	-2	-200
	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao	0	0	4	0	-4	-400	0	0	0	0
	Trường Phổ thông Năng khiếu, Huấn luyện và Thi đấu thể thao	0	0	0	3	3	300	3	300	3	300
	Thư viện Tỉnh	1	2	1	1	0	0	1	50	0	0
	Khu di tích Xẻo Quýt	2	1	0	0	0	0	-1	-100	-2	-200
3	ĐVSNCN thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ghi rõ)										
4	ĐVSNCN thuộc Chi cục thuộc Sở										
5	ĐVSNCN thuộc UBND cấp huyện										
6	ĐVSNCN thuộc các tổ chức chính trị, xã hội khác										
7	ĐVSNCN thuộc Phòng Văn hóa & Thông tin cấp huyện	30	30	27	21	-6	-22,22	-9	-30,00	-9	-30,00
VI	Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông	2	4	2	5	3	150	1	25	3	150
1	ĐVSNCN thuộc UBND cấp tỉnh	2	3	2	2	0	0	-1	-33,33	0	0
	Đài PH - TH Đồng Tháp	2	3	2	2	0	0	-1	-33,33	0	0
2	ĐVSNCN thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Sở)	0	1	0	3	3	0	2	0	3	0
	Trung tâm Chuyển đổi số (thuộc Sở TT & TT)	0	1	0	3	3	0	2	0	3	0
3	ĐVSNCN thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ghi rõ)										
4	ĐVSNCN thuộc Chi cục thuộc Sở										
5	ĐVSNCN thuộc UBND cấp huyện										
6	ĐVSNCN thuộc các tổ chức chính trị, xã hội khác										
VII	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	116	130	125	128	3	2,40	-2	-1,54	12	10,34
1	ĐVSNCN thuộc UBND cấp tỉnh	12	9	11	11	0	0	2	22,22	-1	-8,33

TT	Đơn vị, lĩnh vực	Số lượng lãnh đạo cấp phó/ một đơn vị				So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2021		So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2017		So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2015	
						Số lượng lãnh đạo cấp phó tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Số lượng lãnh đạo cấp phó tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Số lượng lãnh đạo cấp phó tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm
		Năm 2015	Năm 2017	Năm 2021	Năm 2023						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.1	Ban QLDA ĐTXDCT NN & PTNT	2	1	3	3	0	0	2	200	1	50
1.2	Ban QLDA ĐTXDCT DD & CN	2	2	1	2	1	200	0	0	0	0
1.3	Ban QLDA ĐTXDCT GT	4	3	3	2	-1	-33,33	-1	-33,33	-2	-50
1.4	Trung tâm Xúc tiến TM, DL & ĐT	3	1	3	3	0	0	2	200	0	0
1.5	Vườn QG Tràm Chim	1	2	1	1	0	0	-1	-50	0	0
2	ĐVSNCL thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Sở)	34	35	34	36	2	5,88235294	1	2,86	2	5,88
2.1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	-	0	0	1	1	1	1	1	-	-
	Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp và Khởi nghiệp	-	0	0	1	1	1	1	1	-	-
2.2	Sở Lao động - Thương binh & XH	9	9	9	8	-1	-11,11	-1	-11,11	-1	-11,11
	Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp	2	2	2	1	-1	-50	-1	-50	-1	-50
	Cơ sở Điều trị nghiện	2	2	2	2	0	0	0	0	0	0
	Ban Quản lý Nghĩa trang liệt sĩ	2	2	2	2	0	0	0	0	0	0
	Trung tâm Dịch vụ việc làm	3	3	3	3	0	0	0	0	0	0
2.3	Sở NN & PTNT	4	3	3	3	0	0	0	0	-1	-25
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, Quản lý khai thác công trình thủy lợi và Nước sạch nông thôn	2	2	2	2	0	0	0	0	0	0
	Trung tâm Ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao	2	1	1	1	0	0	0	0	-1	-50
2.4	Văn phòng UBND Tỉnh	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0
	Cổng Thông tin điện tử										
2.5	Sở Tư pháp	2	3	1	3	2	200	0	0	1	50
	Phòng Công chứng số 1	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0
	Phòng Công chứng số 2	1	1	0	1	1	100	0	0	0	0
	Phòng Công chứng số 3	0	1	0	0	0	0	-1	-100	0	0
	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản	0	0	0	1	1	100	1	100	1	100
2.6	Sở Giao thông vận tải	7	6	4	6	2	50	0	0	-1	-14,29

TT	Đơn vị, lĩnh vực	Số lượng lãnh đạo cấp phó/ một đơn vị				So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2021		So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2017		So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2015	
						Số lượng lãnh đạo cấp phó tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Số lượng lãnh đạo cấp phó tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Số lượng lãnh đạo cấp phó tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm
		Năm 2015	Năm 2017	Năm 2021	Năm 2023						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện cơ giới thủy, bộ	2	2	1	2	1	100	0	0	0	0
	Phà Đồng Tháp	2	0	1	1	0	0	1	100	-1	-50
	Trung tâm Kiểm định & Bảo dưỡng CTGT	2	3	1	2	1	100	-1	-33	0	0
	Cảng vụ Đường thủy nội địa	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0
2.7	Sở Công Thương	2	2	2	2	0	0	0	0	0	0
2.8	Sở Xây dựng	2	2	2	1	-1	-50	-1	-50	-1	-50
	Trung tâm Quy hoạch Đô thị và Nông thôn	2	1	1	1	0	0	0	0	-1	-50
	Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng	0	1	1	0	-1	-100	-1	-100	0	0
2.9	Sở Tài nguyên và Môi trường	5	6	9	8	-1	-33	2	217	3	250
	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường	1	1	2	2	0	0	1	50	1	50
	Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	2	2	2	2	0	0	0	0	0	0
	Trung tâm Phát triển quỹ đất	0	0	2	2	0	0	2	200	2	200
	Văn phòng Đăng ký đất đai	2	3	3	2	-1	-33	-1	-33	0	0
2.10	Sở Tài chính	2	2	2	2	0	0	0	0	0	0
	Trung tâm Dịch vụ Tài chính	2	2	2	2	0	0	0	0	0	0
2.11	Sở Nội vụ	0	1	1	1	0	0	0	0	1	100
	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	0	1	1	1	0	0	0	0	1	100
3	ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (Ghi rõ)	1	1	0	0	0	0	-1	-100	-1	-100
3.1	Ban Quản lý Khu kinh tế	1	1	0	0	0	0	-1	-100	-1	-100
	Trung tâm Đầu tư và Khai thác Hạ tầng	1	1	0	0	0	0	-1	-100	-1	-100
4	ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc Sở	14	14	4	2	-2	-50	-12	-85,71	-12	-85,71
4.1	Sở Nông nghiệp và PTNT	14	14	4	2	-2	-50	-12	-85,71	-12	-85,71
	Các Trạm thuộc Chi cục	14	14	4	2	-2	-50	-12	-85,71	-12	-85,71

TT	Đơn vị, lĩnh vực	Số lượng lãnh đạo cấp phó/ một đơn vị				So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2021		So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2017		So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2015	
						Số lượng lãnh đạo cấp phó tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Số lượng lãnh đạo cấp phó tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Số lượng lãnh đạo cấp phó tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm
		Năm 2015	Năm 2017	Năm 2021	Năm 2023						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Hạt Quản lý đề Sa rài thuộc Chi cục Thủy lợi	0	0	1	1	0	0	1	100	1	100
	Ban Quản lý dự án trồng rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm	0	0	1	1	0	0	1	100	1	100
	Các Trạm thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	14	14	4	2	-2	-50	-12	-85,71	-12	-85,71
	Các Trạm thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	9	11	0	0	0	0	-11	-100	-9	-100
	Các Trạm thuộc Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Các Trạm thuộc Chi cục Thủy sản	5	5	0	0	0	0	-5	-100	-5	-100
5	ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	50	68	72	75	3	4,17	7	10,29	25	50,00
6	ĐVSNCL thuộc các tổ chức chính trị, xã hội khác										
7	ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp Tỉnh	5	3	4	4	0	0	1	33,33	-1	-20,00
7,1	Vườn QG Tràm Chim	2	2	1	1	0	0	-1	-50	-1	-50
	Trung tâm Bảo tồn và Hợp tác Quốc tế	2	2	1	1	0	0	-1	-50	-1	-50
7,2	Trung tâm Xúc tiến TM, DL & ĐT	3	1	3	3	0	0	2	200	0	0
	Khu Du lịch Tràm Chim	0	0	1	1	0	0	1	100	1	100

Phụ lục 7

SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CHUYỂN THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN, LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP KHÁC*(Kèm theo báo cáo số 23/BC-ĐGS ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Đoàn giám sát Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Tháp)*

TT	ĐVSNCL đủ điều kiện chuyển thành công ty cổ phần theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	ĐVSNCL được phê duyệt thành công ty cổ phần giai đoạn 2015 - 2023	ĐVSNCL đã chuyển thành công ty cổ phần	ĐVSNCL thuộc diện chuyển đổi nhưng chưa thực hiện chuyển thành công ty cổ phần	ĐVSNCL đã chuyển đổi thành loại hình doanh nghiệp khác	Lĩnh vực hoạt động
	Tổng cộng					
1	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo					
	...					
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp					
	...					
3	Lĩnh vực y tế					
	...					
4	Lĩnh vực khoa học và công nghệ					
	...					
5	Lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao					
	...					
6	Lĩnh vực thông tin và truyền thông					
	...					
7	Sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác					
71.	Sở Giao thông vận tải					
	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Kỹ thuật giao thông					
	Phà Đồng Tháp					
	Trung tâm Kiểm định & Bảo dưỡng công trình giao thông					
7.2	Sở Xây dựng					
	Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn					
7.3	UBND TP Cao Lãnh					
	Ban Quản lý chợ Cao Lãnh					
	Ban Quản lý Công trình Công cộng thành phố Cao Lãnh					

7.4	UBND thành phố Sa Đéc					
	Ban Quản lý Công trình Đô thị thành phố Sa Đéc (Bến xe Sa Đéc sáp nhập vào)					
	Ban Quản lý chợ Sa Đéc					

UBND Tỉnh có Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 24/02/2023 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt 08 đơn vị đủ điều kiện chuyển đổi thành Cty cổ phần, đến nay chưa có Quyết định.

30
PHỤ LỤC 8

**VỀ CÁC ĐƠN VỊ NGOÀI CÔNG LẬP CUNG ỨNG
DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo báo cáo số 23/BC-ĐGS ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Đoàn giám sát Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Tháp)

TT	Đơn vị, lĩnh vực	Năm 2015	Năm 2017	Năm 2021	Năm 2023	So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2021		So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2017		So sánh thực hiện năm 2023 so với năm 2015	
						Số lượng tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Số lượng tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Số lượng tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng										
I	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo										
1	H. Tháp Mười	2	2	3	3	0	0	1	150	1	150
	<i>Trường Mầm non Hoa Mai</i>	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0
	<i>Trường Mầm non Mai Linh</i>	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0
	<i>Trường Mầm non Minh Đức</i>			1	1	0	0	1	150	1	150
2	TP Sa Đéc	12	12	15	18	3	20	6	50	6	50
3	Sở Giáo dục và Đào tạo										
	<i>Trường TH-THCS và THPT Tương Lai (trực thuộc Sở)</i>			1	1	0	0	0	0	0	0
II	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp										
										
III	Lĩnh vực Y tế										
1	TP Sa Đéc	88	100	113	125	12	10,62	25	25	37	42,05
IV	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ										
	...										
V	Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch										
	...										
VI	Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông	3	3	3	3	0	0	0	0	0	0

Phụ lục 9

SẮP XẾP CƠ CẤU TỔ CHỨC BÊN TRONG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CHƯA TỰ CHỦ

*(Kèm theo báo cáo số 23/BC-ĐGS ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Đoàn giám sát Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Tháp)*

TT	Nội dung	Số lượng các tổ chức, đơn vị trực thuộc ĐVSNCL			
		Năm 2015	Năm 2017	Năm 2021	Năm 2023
	Tổng cộng	909	880	701	676
1	ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh	6	6	2	1
2	ĐVSNCL thuộc CQCM thuộc UBND cấp tỉnh (Sở)	115	118	86	86
3	ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh	1	1	0	0
4	ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc Sở	77	51	12	12
5	ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	710	704	601	577
6	ĐVSCCL thuộc cơ quan Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội				
	<i>Trường Chính trị Tỉnh</i>	<i>4 Khoa; 3 Phòng</i>	<i>4 Khoa; 3 Phòng</i>	<i>3 Khoa; 2 Phòng</i>	<i>3 Khoa; 2 Phòng</i>

PHỤ LỤC 10**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NSNN**

(Kèm theo báo cáo số 23/BC-ĐGS ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Đoàn giám sát Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Tháp)

TT	Ngành, lĩnh vực	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Ghi chú
	Tổng		
I	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo		
1	H. Châu Thành		
	Dịch vụ giáo dục mầm non	Quyết định 186/QĐ-TTg ngày 10/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ	
	Dịch vụ giáo dục phổ thông		
	...		
II	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp		
1	Sở Lao động - TB & XH	Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 27/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	
2	H. Châu Thành		
	Dịch vụ đào tạo sơ cấp nghề, đào tạo nghề dưới 03 tháng cho phụ nữ, lao động nông thôn	Quyết định 1508/QĐ-TTg ngày 27/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ	
3	Trường Cao đẳng Cộng đồng ĐT		
	Đào tạo nghề nặng nhọc, độc hại; đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; đào tạo sơ cấp nghề....	Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 27/7/2016	
III	Lĩnh vực Y tế		
	...		

TT	Ngành, lĩnh vực	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Ghi chú
IV	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ		
	...		
V	Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
1	H. Châu Thành		
	Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ quần chúng; tuyên truyền lưu động, cổ động trực quan phục vụ nhiệm vụ chính trị	Quyết định 156/QĐ-TTg ngày 29/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ	
VI	Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông		
	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực thông tin và truyền thông	Quyết định số 1265/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng chính phủ	
1	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đồng Tháp		
	Thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị	Quyết định 2504/QĐ-TTg ngày 23/12/20216 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông	Danh mục chi tiết Dịch vụ công của Bộ TTTT
		Quyết định 1265/QĐ-TTg ngày 18/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông	Danh mục chi tiết Dịch vụ công lĩnh vực thông tin tuyên truyền của Bộ TTTT
VII	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác		
1	Sở NN & PTNT		
	Thực hiện ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.	Quyết định số 466/QĐ-UBND-HC ngày 14/4/2020 của UBND Tỉnh Phê duyệt Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng tỉnh Đồng Tháp

TT	Ngành, lĩnh vực	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Ghi chú
2	Sở Tư pháp		
	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước		Quyết định số 77/QĐ-STP ngày 10/8/2021 Quyết định ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở Tư pháp
3	H. Châu Thành		
	Điều tra, quy hoạch thuộc lĩnh vực thủy sản	Quyết định 254/QĐ-TTg ngày 02/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ	
	Thông tin, thống kê, dự báo và ứng dụng công nghệ thông tin thuộc lĩnh vực thủy sản		
	Hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản xuất nhập khẩu		
	Điều tra, quy hoạch lĩnh vực trồng trọt		
	Thống kê thuộc lĩnh vực trồng trọt		
	Thu thập, bảo quản mẫu chuẩn giống trồng trọt		
	Điều tra, quy hoạch lĩnh vực chăn nuôi		
	Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, môi trường chăn nuôi		
	Đánh giá, giám sát chất lượng giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và chế phẩm sinh học xử lý cải tạo môi trường trong chăn nuôi		
	Thống kê, thông tin thuộc lĩnh vực chăn nuôi		
	Điều tra lĩnh vực bảo vệ thực vật		

TT	Ngành, lĩnh vực	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Ghi chú
	Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định thuốc bảo vệ thực vật	Quyết định 254/QĐ-TTg ngày 02/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ	
	Khảo sát nhằm đưa ra biện pháp phòng trừ sinh vật hại thực vật bảo vệ sản xuất		
	Đánh giá dịch bệnh, sâu bệnh		
	Thống kê thuộc lĩnh vực bảo vệ thực vật		
	Điều tra lĩnh vực thú y		
	Chẩn đoán thú y, thẩm định an toàn dịch bệnh		
	Thống kê thuộc lĩnh vực thú y		
	Đánh giá an toàn dịch bệnh		
	Thống kê các lĩnh vực trong ngành nông nghiệp		
	Hoạt động khuyến nông: Thông tin, tuyên truyền, đào tạo, dự án		
	Hoạt động xúc tiến thương mại nông, lâm, thủy sản		
	Điều tra, quy hoạch các lĩnh vực phát triển nông thôn và chế biến		

Phụ lục 11

MÔ HÌNH HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

(Kèm theo báo cáo số 23/BC-ĐGS ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Đoàn giám sát Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Tháp)

TT	Ngành, lĩnh vực	Đã thành lập Hội đồng quản lý/ Hội đồng trường	Chưa thành lập Hội đồng quản lý/ Hội đồng trường
1	Giáo dục nghề nghiệp	Đã thành lập Hội đồng trường tại các trường Cao đẳng	
2	Các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	Đã thành lập Hội đồng quản lý tại các đơn vị sự nghiệp đảm bảo tự chủ nhóm I.	Ngoài ra, một số đơn vị mới nâng mức tự chủ lên nhóm I, nhưng chưa thành lập Hội đồng quản lý do chưa đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

PHỤ LỤC 12

DANH MỤC CÁC LUẬT, PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NHẪM BẢO ĐẢM ĐỒNG BỘ HỆ THỐNG
PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

(Kèm theo báo cáo số 23/BC-ĐGS ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Đoàn giám sát Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Tháp)

TT	Tên văn bản	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
1			
2			
3			
4			
5			
...			